

- a single center. *Pediatr Surg Int.* Mar 2020;36(3):279-287.
4. **Xiao H, Chen L, Ren XH, et al.** One-Stage Laparoscopic-Assisted Anorectoplasty for Neonates with Anorectal Malformation and Recto-Prostatic or Recto-Bulbar Fistula According to the Krickenbeck Classification. *J Laparoendosc Adv Surg Tech A.* Aug 2018;28(8):1029-1034.
 5. **Divarci E, Ergun O.** General complications after surgery for anorectal malformations. *Pediatr Surg Int.* Apr 2020;36(4):431-445.
 6. **Yazaki Y, Koga H, Ochi T, et al.** Surgical management of recto-prostatic and recto-bulbar anorectal malformations. *Pediatr Surg Int.* Oct 2016;32(10):939-44.
 7. **Ming A X, Li L, Diao M, et al.** Long term outcomes of laparoscopic-assisted anorectoplasty: a comparison study with posterior sagittal anorectoplasty. *J Pediatr Surg.* Apr 2014;49(4):560-3.
 8. **Ren X, Xu H, Jiang Q, et al.** Single-incision laparoscopic-assisted anorectoplasty for treating children with intermediate-type anorectal malformations and rectobulbar fistula: a comparative study. *Pediatr Surg Int.* Nov 2019; 35(11):1255-1263.

KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ VÀ NHU CẦU ĐÀO TẠO SƠ CẤP CỨU CỦA SINH VIÊN KHOA Y ĐẠI HỌC Y DƯỢC TPHCM NĂM HỌC 2020-2021

Phạm Anh Thư¹, Nguyễn Nhật Quỳnh¹, Phạm Lê An¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá kiến thức và thái độ, cũng như tìm hiểu nhu cầu đào tạo của sinh viên khoa Y về sơ cấp cứu. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả, ngẫu nhiên trên 494 sinh viên từ năm thứ 1 đến năm thứ 6, đang theo học Bác sĩ đa khoa tại Khoa Y Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Thông tin được thu thập qua bộ câu hỏi tự điền. **Kết quả:** 428 sinh viên (86,64%) có kiến thức đạt về sơ cấp cứu, 124 sinh viên (25,10%) có thái độ chung tốt về sơ cấp cứu. 95,55% sinh viên có nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu, phương pháp đào tạo được chọn nhiều nhất là tổ chức diễn tập ngoại khóa (46,40%) và đưa vào môn học chính khóa (44,70%). **Kết luận:** Kiến thức và thái độ về sơ cấp cứu của sinh viên khoa Y còn hạn chế trong khi nhu cầu đào tạo lại rất cao. Cần có thêm các chương trình giáo dục phù hợp nâng cao kiến thức về sơ cấp cứu, đồng thời sinh viên cũng cần tích cực trau dồi kiến thức và rèn luyện kỹ năng thực hành sơ cấp cứu.

Từ khóa: kiến thức; thái độ, nhu cầu đào tạo, sinh viên y khoa, sơ cấp cứu

SUMMARY

KNOWLEDGE, ATTITUDE AND TRAINING NEEDS TOWARDS FIRST AID AMONG MEDICAL STUDENTS AT THE UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY AT HO CHI MINH CITY, 2020-2021

Objectives: To analyse medical students' first-aid knowledge and attitude, and to investigate their training needs. **Subjects and methods:** This was a cross-sectional, questionnaire-based survey of 494

first- to sixth-year medical students at the Faculty of Medicine, University of Medicine and Pharmacy, Ho Chi Minh City. **Results:** 428 students (86.64%) had satisfactory first aid; 25.1% had a positive general attitude about first aid. 95.55% of students reported that they had a need for first aid training; 'included as part of the main course' and 'extracurricular drills' were the most chosen training methods. **Conclusions:** Medical students' knowledge and attitude about first aid were still limited while the need for training is very high. It is necessary to have more educational programs, and students need to cultivate knowledge and practice first aid skills actively.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sơ cấp cứu là các can thiệp, trợ giúp và chăm sóc ban đầu đối với người bị nạn tại hiện trường bằng phương tiện, dụng cụ có sẵn ngay tại chỗ, khi chưa có sự hỗ trợ của đội cấp cứu với các phương tiện cấp cứu chuyên dụng⁽¹⁾. Theo thống kê của Global Burden of Disease năm 2017 và khuyến cáo của WHO, ước tính đến 520 triệu trường hợp tai nạn thương tích mới trên toàn cầu, với hơn 4 triệu người tử vong⁽¹⁾, giảm tỷ lệ tử vong do tai nạn thương tích nhấn mạnh tầm quan trọng của sơ cấp cứu khi xảy ra^(2,3).

Sinh viên Y khoa, những bác sĩ tương lai, càng cần có kiến thức vững chắc về sơ cấp cứu. Đây không chỉ là lực lượng chăm sóc sức khỏe tại các bệnh viện tuyến đầu, cũng như các trung tâm y tế địa phương mà còn là lực lượng hướng dẫn, huấn luyện sơ cấp cứu cho gia đình, cộng đồng khi sơ cấp cứu vẫn còn chưa được phổ cập rộng rãi hiện nay.

Tuy nhiên trong những năm gần đây, tại Việt Nam và Thành phố Hồ Chí Minh vẫn chưa có nghiên cứu nào về kiến thức, thái độ, nhu cầu đào tạo về sơ cấp cứu trên đối tượng là sinh viên khoa Y. Các chương trình đào tạo sơ cấp cứu có cấp

¹Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Nhật Quỳnh

Email: nguyennhatquynh@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 27.7.2023

Ngày phản biện khoa học: 12.9.2023

Ngày duyệt bài: 29.9.2023

chúng chỉ vẫn chưa được đưa vào đào tạo chính quy dành cho sinh viên khoa Y. Trong bối cảnh đó, chúng tôi tiến hành nghiên cứu "Khảo sát kiến thức, thái độ và nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu của sinh viên khoa Y Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh năm học 2020-2021", các kết quả thu được nhằm đánh giá nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng. Sinh viên khoa Y năm 1 đến năm 6 đang học tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh vào thời điểm nghiên cứu (từ tháng 1/2021 đến tháng 8/2021)

Tiêu chí nhận vào. Những sinh viên đang theo học tại các lớp được chọn, đồng ý tham gia nghiên cứu và thực hiện bộ câu hỏi nghiên cứu

Tiêu chí loại trừ. Những sinh viên trả lời không đầy đủ 100% các câu hỏi trong bộ câu hỏi nghiên cứu.

2.2. Thiết kế nghiên cứu. Nghiên cứu cắt ngang mô tả

2.3. Phương pháp chọn mẫu. Chọn mẫu ngẫu nhiên, phân tầng 6 khối năm 1 đến năm 6

2.4. Phương pháp thu thập thông tin. Bộ câu hỏi tự điền được gửi qua thư điện tử hoàn thành trong 30 phút

3.5. Công cụ đánh giá và tiêu chí đánh giá. Bộ câu hỏi xây dựng trên bộ câu hỏi nghiên cứu của Cao Xuân Ngọc năm 2013 và Trần Minh Nhật năm 2017, có điều chỉnh phù hợp với đối tượng nghiên cứu (4, 5). Kết quả Cronbach's alpha của các thang đo đều trên 0,7. Bộ câu hỏi gồm 4 phần:

- Đặc điểm đối tượng
- Kiến thức về sơ cấp cứu
- Thái độ về sơ cấp cứu đo lường bằng thang đo Likert
- Nhu cầu đào tạo về sơ cấp cứu

Tiêu chuẩn đánh giá

- Phần kiến thức: Kiến thức đạt khi điểm kiến thức từ 50% tổng điểm.

- Phần thái độ: 5 giá trị theo thang điểm Likert 5 điểm: Rất không đồng ý: 1 điểm; Không đồng ý: 2 điểm; Bình thường: 3 điểm; Đồng ý: 4 điểm; Rất đồng ý: 5 điểm. Thái độ chung về sơ cấp cứu tốt: từ 75% tổng điểm.

- Phần nhu cầu đào tạo: nhu cầu đào tạo gồm 6 câu.

2.7. Phương pháp xử lý số liệu. Các số liệu được lấy thông qua mẫu phiếu thu thập số liệu qua thư điện tử. Nhập dữ liệu bằng Excel và phân tích dữ kiện bằng Stata 13.0.

2.8. Y đức trong nghiên cứu. Đề cương nghiên cứu đã được chấp thuận về mặt y đức

trong nghiên cứu từ Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học số 225/HĐĐĐ ký ngày 15/04/2021.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

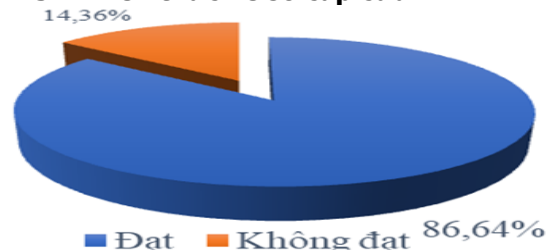
3.1. Đặc điểm dân số nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm dân số nghiên cứu (n=494)

Đặc điểm	Tần số (n=494)	Tỉ lệ (%)	
Sinh viên năm	Năm 1	95	19,23
	Năm 2	85	17,21
	Năm 3	81	16,40
	Năm 4	77	15,59
	Năm 5	84	17,00
	Năm 6	72	14,57
Điểm trung bình năm học gần nhất	Giỏi	103	20,85
	Khá	273	55,26
	Trung bình - Khá	73	14,78
	Trung bình	45	9,11
Đã từng học qua lớp sơ cấp cứu	Đã từng	227	45,95
	Chưa từng	267	54,05
Đã từng thực hiện sơ cấp cứu	Đã từng	163	33
	Chưa từng	331	67

Bộ câu hỏi khảo sát được gửi đến 600 sinh viên, nhận được 494 phản hồi (82,33%) thỏa tiêu chí chọn mẫu, trong đó sinh viên năm nhất phản hồi nhiều nhất với 95 mẫu (19,23%), sinh viên năm 6 ít nhất với 72 mẫu (14,57%). Gần một nửa số sinh viên xếp học lực khá (55,26%), một số rất ít xếp trung bình. Nơi sống của sinh viên chủ yếu ở thành thị và nông thôn. Trong tổng số 494 sinh viên, chỉ có 45,95% sinh viên đã từng học qua lớp đào tạo về sơ cấp cứu, 33% sinh viên đã từng thực hiện sơ cấp cứu.

3.2. Kiến thức về sơ cấp cứu



Biểu đồ 1. Tỉ lệ đối tượng có kiến thức đạt về sơ cấp cứu (n=494)

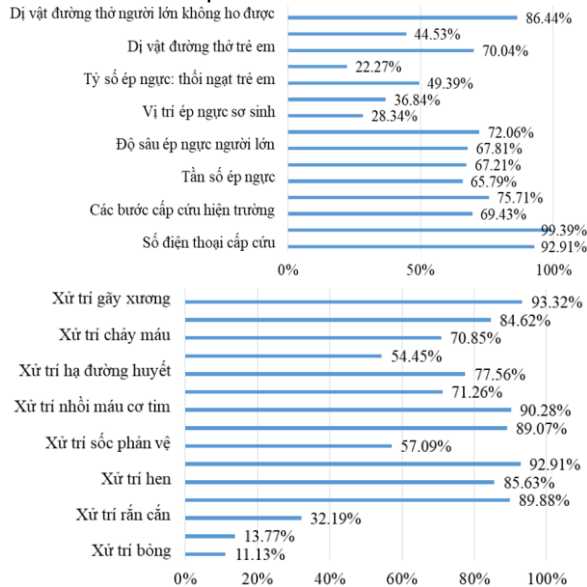
Trong số 494 sinh viên tham gia nghiên cứu có 428 sinh viên có kiến thức đạt về sơ cấp cứu (từ 15 điểm/ 30 điểm trở lên) chiếm 86,64%

Bảng 2. Số câu trả lời đúng trung bình của các đối tượng (n=494)

Giá trị	Tổng số	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thấp nhất	Cao nhất
---------	---------	------------	---------------	-----------	----------

Kiến thức về sơ cấp cứu	494	19.62146	4.33	6	29
-------------------------	-----	----------	------	---	----

Số câu trả lời đúng trung bình là 19,62 ± 4,33 trên tổng số 30 câu, số câu trả lời đúng cao nhất là 29 và thấp nhất là 6.



Biểu đồ 2. Tỷ lệ đối tượng trả lời đúng theo các tình huống (n=494)

Kiến thức sơ cấp cứu về vận chuyển an toàn và xử trí gãy xương có tỉ lệ trả lời đúng cao nhất với 93,39% và 93,32%. Trong khi đó tỉ lệ sinh viên có trả lời đúng về xử trí bỏng và đuối nước rất thấp với chỉ 11,13% và 13,77%.

3.3. Thái độ về sơ cấp cứu

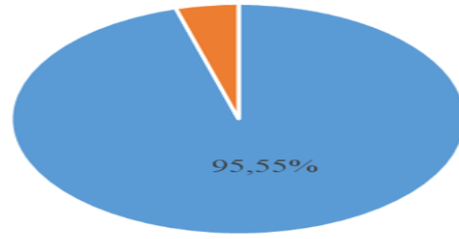
Bảng 3. Thái độ của các đối tượng về sơ cấp cứu (n=494)

Nội dung	Tần số (n=494)	Tỷ lệ (%)
Nhận thức tầm quan trọng của sơ cấp cứu	458	92,71%
Sẵn sàng thực hiện sơ cấp cứu cho người bị nạn	392	79,35%
Sẵn sàng hướng dẫn người dân sơ cấp cứu	394	79,76%
Tự tin thực hiện sơ cấp cứu	50	10,12%
Thái độ chung	n	%
Thái độ tốt	124	25,10%
Thái độ chưa tốt	370	74,90%

Thái độ được đánh giá qua 4 nhân tố, 3 nhân tố nhận thức tốt tầm quan trọng của sơ cấp cứu, sẵn sàng sơ cấp cứu người bị nạn, sẵn sàng hướng dẫn người dân sơ cấp cứu và tự tin thực hiện sơ cấp cứu vs tỉ lệ tích cực đều cao hơn 75%, trong khi đó nhân tố tự tin thực hiện tốt sơ cấp cứu chỉ đạt 10,12%. Trong tổng số 494 sinh viên khảo sát, chỉ có 124 sinh viên

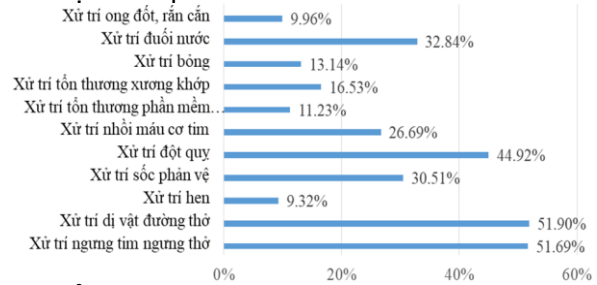
(25,10%) sinh viên có thái độ tốt về sơ cấp cứu.

4.4 Nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu



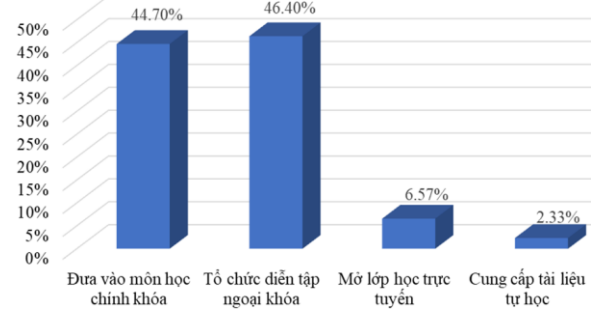
Biểu đồ 3. Tỷ lệ đối tượng có nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu (n=494)

Kết quả cho thấy có đến 94,53% sinh viên có hứng thú về sơ cấp cứu, 95,55% có nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu.



Biểu đồ 4. Tỷ lệ đối tượng có nhu cầu đào tạo theo từng loại sơ cấp cứu (n=494)

Ba nội dung sinh viên có nhu cầu đào tạo cao nhất là xử trí dị vật đường thở (51,90%), xử trí ngưng tim ngưng thở (51,69%) và xử trí đột quỵ (44,92%)



IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu ghi nhận 428 sinh viên (86,64%) có kiến thức đạt (đúng 15/30 câu trở lên), cao hơn nhiều so với kết quả của nghiên cứu của Trần Minh Nhật (49,1%) và nghiên cứu của Cao Xuân Ngọc (45,5%)^(4,5). Điểm số kiến thức trung bình của sinh viên trong nghiên cứu của chúng tôi là 19,62 ± 4,33 trên tổng 30 điểm, vượt mức trung bình, trong khi điểm trung bình của sinh viên trong nghiên cứu của Hoàng Thị Thúy Huyền là 8,9 ± 2,5 trên tổng 21 điểm, dưới mức trung bình⁽⁶⁾. Sự khác biệt này có thể do đối

tương của chúng tôi là sinh viên khoa Y, được giảng dạy kiến thức y khoa có lồng ghép kiến thức sơ cấp cứu trong một số bộ môn và thực tập tại bệnh viện-môi trường mà sơ cứu diễn ra mỗi ngày.

Nghiên cứu của Hoàng Thị Thúy Huyền, năm 2016 vị trí đặt tay CPR có số câu trả lời đúng thấp nhất (10,8%), nghiên cứu của Cao Xuân Ngọc năm 2014, tần số ép tim thổi ngạt có số câu trả lời đúng thấp nhất (17,12%) và trong nghiên cứu của Trần Minh Nhật năm 2017 chỉ có 7,5% sinh viên biết các bước của kỹ thuật cấp cứu ngừng tuần hoàn và hô hấp theo Bộ Y tế⁽²⁾. Trong nghiên cứu của chúng tôi, có 72,06% sinh viên trả lời đúng tỉ số ép ngực: thổi ngạt người lớn, 65,79% sinh viên trả lời đúng tần số ép ngực, 67,21% sinh viên trả lời đúng vị trí ép ngực người lớn và 67,81% sinh viên trả lời đúng về độ sâu ép ngực người lớn. Sự khác biệt này có thể đến từ đối tượng nghiên cứu. Đối tượng nghiên cứu của chúng tôi là sinh viên khoa Y Đại học Y Dược TP.HCM đã được học và thực hành xử trí ngưng tim ngưng thở từ năm hai đại học.

Tình huống bỏng là câu hỏi có tỉ lệ sinh viên trả lời đúng thấp nhất trong nghiên cứu của chúng tôi (11,3%), thấp hơn trong nghiên cứu của Asad Abbas (28,8%), nghiên cứu của Hoàng Thị Thúy Huyền (91,7%)^(6,7). Sự khác nhau này có thể đến từ nội dung khảo sát, câu hỏi trong nghiên cứu của chúng tôi là câu hỏi gián tiếp chọn câu sai, đòi hỏi sinh viên phải nắm rõ trình tự và chi tiết các bước trong xử trí. Theo đó đáp án của câu hỏi là sử dụng gòn gạc để che chắn vết bỏng, vì gòn gạc sẽ gây bám dính lên vết bỏng, khiến cho việc xử lý vết thương trở nên khó khăn và gây đau đớn cho nạn nhân. Đây là những điều cần nhấn mạnh trong chương trình huấn luyện và sách giá khoa về xử trí bỏng.

Về thái độ chung, 124 sinh viên (25,10%) có thái độ chung tốt về sơ cấp cứu. Kết quả này thấp hơn kết quả trong nghiên cứu của Trần Minh Nhật trên đối tượng sinh viên Đại học Huế (59,4%)⁽⁴⁾. Số sinh viên có thái độ tốt của chúng tôi chưa cao, đa phần các sinh viên đều không tự tin trong thực hiện sơ cấp cứu, trong khi đó nhân tố tự tin chiếm 11/18 câu (55/90 tổng điểm). Tỉ lệ sinh viên tự tin thực hiện tốt sơ cấp cứu chỉ đạt 10,12% tổng số, tỉ lệ này cũng thấp trong nghiên cứu của Hoàng Thị Thúy Huyền (8,3%)⁽⁶⁾. Việc thiếu kinh nghiệm thực hành trong thực tế cuộc sống cũng như trên mô hình cũng khiến sinh viên không tự tin thực hiện tốt sơ cấp cứu. Điều này sẽ mang đến hệ lụy sinh viên không dám thực hiện sơ cấp cứu nhất là trong các tình

huống nguy cấp vì sợ làm sai, đồng thời cũng ảnh hưởng đến kết quả của quá trình sơ cấp cứu cho nạn nhân. Để cải thiện vấn đề này, các nhà hoạch định giáo dục cần phải tăng cường các lớp đào tạo kỹ năng đẩy mạnh việc thực hành sơ cấp cứu cho sinh viên.

Nhu cầu được đào tạo về sơ cấp cứu được gia nhận ở 95,55% sinh viên. Kết quả này cũng tương đồng với kết quả từ nghiên cứu của Hoàng Thị Thúy Huyền (93,6%) và nghiên cứu của Trần Minh Nhật (93%)^(4,6). Nghiên cứu của N Joseph cho thấy tất cả sinh viên đều sẵn sàng đăng ký tham gia bất kỳ khóa đào tạo sơ cấp cứu chính thức nào, nghiên cứu của Afrasyab Khan tại Pakistan cho kết quả có 84% sinh viên có nhu cầu đào tạo^(8,8). Qua đó, chúng ta có thể thấy rằng hầu hết các sinh viên dù ở quốc gia nào, dù thuộc y khoa hay không thuộc y khoa, dù được đào tạo hay chưa được đào tạo về sơ cấp cứu đều có nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu rất lớn. Cùng với sự nhận thức tốt của sinh viên về tầm quan trọng của sơ cấp cứu (92,71%) thật không khó để giải thích nhu cầu đào tạo cao về sơ cấp cứu ở sinh viên khoa y trong nghiên cứu của chúng tôi. Trong số các nội dung sơ cấp cứu, nội dung muốn được đào tạo nhất là xử trí dị vật đường thở (51,90%), xử trí ngưng tim, ngưng thở (51,69%), xử trí đột quỵ (44,92%). Đa phần các nội dung sơ cứu sinh viên muốn được đào tạo đều là các tình huống nguy hiểm đến tính mạng, cần xử trí nhanh chóng, kịp thời và chuẩn xác. Trong các phương pháp đào tạo được đưa ra, sinh viên đa phần lựa chọn hình thức tổ chức diễn tập ngoại khóa (46,40%) và đưa vào môn học chính khóa (44,70%). Kết quả này cũng có điểm tương tự với kết quả của Trần Minh Nhật với phương pháp được lựa chọn nhiều nhất là tập huấn ngoại khóa (53,3%)⁽⁴⁾. Điều này cho thấy sinh viên đánh giá cao sự cần thiết của việc đào tạo trực tiếp sơ cấp cứu, nhất là về thực hành.

V. KẾT LUẬN

227 sinh viên (45,95%) sinh viên đã từng học qua lớp đào tạo về sơ cấp cứu, 167 sinh viên (33%) đã từng thực hiện sơ cấp cứu. 428 sinh viên (86,64%) có kiến thức đạt về sơ cấp cứu, trong đó vận chuyển an toàn và xử trí gãy xương có tỉ lệ trả lời đúng cao nhất, bỏng và đuối nước có tỉ lệ trả lời đúng thấp nhất. 124 sinh viên (25,10%) có thái độ chung tốt về sơ cấp cứu. Tỉ lệ sinh viên nhận thức tốt tầm quan trọng của sơ cấp cứu, sẵn sàng thực hiện sơ cấp cứu, sẵn sàng hướng dẫn người dân sơ cấp cứu và tự tin thực hiện tốt sơ cấp cứu lần lượt là 92,71%,

79,35%, 79,76%, 10,12%. 472 sinh viên (95,55%) có nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu. 3 nội dung có nhu cầu đào tạo cao nhất là xử trí dị vật đường thở (51,90%), xử trí ngưng tim ngưng thở (51,69%) và xử trí đột quỵ (44,92%). Phương pháp được lựa chọn nhiều nhất là tổ chức diễn tập ngoại khóa (46,40%) và đưa vào môn học chính khóa (44,70%).

VI. KIẾN NGHỊ

Nhà trường cần bổ sung những thiếu sót về kiến thức của sinh viên, tăng cường đào tạo kỹ năng và thời lượng thực hành sơ cấp cứu cho sinh viên, đồng thời tích cực truyền thông để nhiều người biết đến lớp đào tạo sơ cấp cứu. Các nhà nghiên cứu cần tiến hành những nghiên cứu về kỹ năng thực hành và nghiên cứu phân tích để xác định mối quan hệ nguyên nhân dẫn đến sự thiếu tự tin khi thực hiện sơ cấp cứu của sinh viên và đưa ra cách thức cải thiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **World Health Organization.** (2020) "Injuries". Available from: <http://www.who.int/topics/injuries/about/en/>. Access on 29/05/2021
2. **BỘ Y TẾ.** (2011) "Hướng dẫn thực hành cơ bản chăm sóc chấn thương trước viện". Nhà xuất bản Y học Hà Nội:39-45
3. **S. L. James, C. D. Castle, Z. V. Dingels, J. T. Fox, E. B. Hamilton, Z. Liu, et al.** (2020) "Global injury morbidity and mortality from 1990

- to 2017: results from the Global Burden of Disease Study 2017". *Inj Prev*;26(Supp 1):i96-i114.
4. **Trần Minh Nhật, Hà Văn Anh Bảo, Nguyễn Thị Khánh Linh, Lâm Phan Liên Nhi, Trần Văn Vui, Nguyễn Văn Hòa.** (2017) "Kiến thức - thái độ - nhu cầu về sơ cấp cứu ban đầu của sinh viên Đại học Huế". *tạp chí Y Học Dự Phòng*;27(8):443-452
 5. **Đặng Đức Nhu, Cao Xuân Ngọc, Bùi Đức Giang.** (2014) "Thực trạng và nhu cầu đào tạo về sơ cấp cứu ban đầu của tân sinh viên đại học Quốc gia Hà Nội năm 2013". *tạp chí Y Học Dự Phòng*; XXIV(4):73-77.
 6. **Hàng Thị Thủy Huyền, Nguyễn Lâm Vương, Đỗ Văn Dũng.** (2016) "Kiến thức và nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu ban đầu của sinh viên khoa Y tế Công cộng – Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh năm 2016". *tạp chí Y Học Thành phố Hồ Chí Minh*;21.
 7. **A. Abbas, S. I. Bukhari, F. Ahmad.** (2011) "Knowledge of first aid and basic life support amongst medical students: a comparison between trained and un-trained students". *J Pak Med Assoc*;61(6):613-616.
 8. **N. Joseph, G. Kumar, Y. Babu, M. Nelliyanil, U. Bhaskaran.** (2014) "Knowledge of first aid skills among students of a medical college in Mangalore city of South India". *Ann Med Health Sci Res*;4(2):162-166
 9. **A. Khan, S. Shaikh, F. Shuaib, A. Sattar, S. A. Samani, Q. Shabbir, et al.** (2010) "Knowledge attitude and practices of undergraduate students regarding first aid measures". *J Pak Med Assoc*;60(1):68-72

BÁO CÁO MỘT TRƯỜNG HỢP LẦN ĐẦU TIÊN PHÁT HIỆN TẠI VIỆT NAM: THAI HẾT ỒI DO ĐỘT BIẾN GEN ACE

Nguyễn Thị Sim¹, Nguyễn Duy Ánh¹, Lương Thị Lan Anh², Nguyễn Đức Anh¹, Ngô Thị Hương¹, Hồ Khánh Dung¹, Vương Thị Bích Thủy¹

TÓM TẮT

Loạn sản ống thận di truyền lặn trên nhiễm sắc thể thường (ARRTD) là một rối loạn di truyền không phổ biến với tỷ lệ tử vong rất cao. Bệnh có triệu chứng giai đoạn thai kỳ điển hình là thiếu ối, hết ối. Gần như tất cả các thai nhi bị ảnh hưởng đều chết sau sinh hoặc thai lưu ở tuần thai lớn gây ảnh hưởng xấu đến người mẹ. Trên thế giới, có ít các nghiên cứu về biến thể gen ACE liên quan đến ARRTD, đồng thời tại Việt Nam cũng chưa từng được báo cáo. Tình trạng thiếu ối, hết ối trong buồng tử cung có thể do ARRTD hoặc

nhều bất thường di truyền khác. Tình trạng này gây khó khăn cho việc chẩn đoán trước sinh bằng phương pháp chọc hút dịch ối cũng như khó khăn cho việc xác định chính xác các bất thường hình thái của thai bằng siêu âm. Trên các trường hợp thiếu ối, hết ối nghi ngờ bất thường thận tiết niệu, có thể tiến hành truyền dịch vào buồng ối và lấy mẫu dịch ối để chẩn đoán di truyền. Chúng tôi báo cáo 01 trường hợp thai hết ối, không quan sát thấy bàng quang, mang 01 biến thể đồng hợp tử NM_000789.4(ACE), c.2503G>T (p.Glu853Ter), di truyền lặn, được phân loại là "Gây bệnh" theo Hiệp hội Di truyền Y khoa Hoa Kỳ, có liên quan đến ARRTD. Thai nhận 02 alleles từ hai bố mẹ mang kiểu gen dị hợp tử. Thai tiên lượng xấu, thai phụ và gia đình xin đình chỉ thai nghén. Tư vấn trước sinh được đặt ra cho những lần mang thai tiếp theo. Có thể lựa chọn phương pháp để tránh mang thai mắc bệnh như sàng lọc di truyền trước làm tổ, hoặc chẩn đoán trước sinh bằng các phương pháp sinh thiết gai rau hoặc chọc hút dịch ối.

¹Đơn vị Can thiệp bào thai - Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội

²Trường Đại học Y Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Sim

Email: bacsisim@gmail.com

Ngày nhận bài: 2.8.2023

Ngày phản biện khoa học: 25.9.2023

Ngày duyệt bài: 4.10.2023